TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN HÀ
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 05/2018/ HNGĐ - ST
Ngày: 08/10/ 2018
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN HÀ, TỈNH QUẢNG NGÃI

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Huệ.

2. Nguyễn Thị Nguyệt.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhị – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 08 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2018/TLST –HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06 /2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị Ơ**, sinh năm 1973 (Có mặt).

Bị đơn: Anh **Đinh Văn Tr** , sinh năm 1965 (Có mặt).

Các đương sự đều có địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Q.

Người phiên dịch: Ông **Đinh Văn Thương** - Phó chủ tịch Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt nam thị trấn D, huyện S, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/8/2018, biên bản tự khai ngày 17/8/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đinh Thị Ơ trình bày: Tôi và anh Đinh Văn Tr tự tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991, không đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống chúng tôi đã có với nhau 04 người con chung tên Đinh Thị K - sinh ngày 18/3/1992, Đinh Văn Q - sinh ngày 16/6/1996, Đinh Thị C - sinh ngày 05/5/1998 và Đinh Văn C - sinh ngày 05/4/2003. Hiện 03 con chung Đinh Thị K, Đinh Thị C và Đinh Văn Q đã trên 18 tuổi và tự lập, còn con Đinh Văn C đang ở cùng với tôi tại thôn T, xã S, huyện S.

Thời gian đầu chung sống, vợ chồng tôi sống hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tôi không có công việc làm ổn định, chủ yếu làm thuê để kiếm sống qua ngày mà con lại đông nên kinh tế thiếu thốn, dẫn tới vợ chồng cãi vả nhau thường xuyên, anh Tr uống rượu say xỉn, do vậy từ cuối năm 2003 tôi và anh Tr quyết định sống ly thân nhau, không ai quan tâm gì đến nhau từ đó đến nay.

Chúng tôi đã sống ly thân gần 15 năm nay, nên thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn hạnh phúc với anh Tr được nữa, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sơn Hà giải quyết cho tôi được ly hôn anh Đinh Văn Tr.

- *Về tài sản riêng, chung và nghĩa vụ tài sản:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về con chung*: Riêng 03 con Đinh Thị K, Đinh Văn Q, Đinh Thị C đã trên 18 tuổi và tự lập nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Còn con Đinh Văn C - sinh ngày 05/4/2003, tôi nhận trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Tr phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại biên bản tự khai ngày 29/8/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đinh Văn Tr trình bày: Tôi và chị Đinh Thị Ơ tự tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991, không đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống chúng tôi đã có với nhau 04 người con chung tên Đinh Thị K - sinh ngày 18/3/1992, Đinh Văn Q - sinh ngày 16/6/1996, Đinh Thị C - sinh ngày 05/5/1998 và Đinh Văn C - sinh ngày 05/4/2003. Hiện 03 con chung Đinh Thị K, Đinh Thị C và Đinh Văn Q đã trên 18 tuổi và tự lập, còn con Đinh Văn C đang ở cùng với chị Ơ.

Thời gian đầu chung sống, tôi và chị Ơ chung sống hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn do cả hai người không có công việc làm ổn định, công việc chủ yếu là làm thuê để kiếm sống qua ngày vì con lại đông nên kinh tế thiếu thốn, dẫn tới vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vả nhau thường xuyên, tôi buồn bực nên thường xuyên uống rượu say xỉn, từ cuối năm 2003 tôi và chị Ơ quyết định sống ly thân nhau, không ai quan tâm gì đến nhau từ đó đến nay.
Tính đến nay, tôi và chị Ơ đã sống ly thân gần 15 năm , nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn hạnh phúc với chị Ơ được nữa. Nay chị Ơ làm đơn yêu cầu ly hôn tôi đồng ý ly hôn chị Đinh Thị Ơ.

- *Về tài sản riêng, chung và nghĩa vụ tài sản:* Không có.

- *Về con chung*: Riêng 03 con Đinh Thị K, Đinh Văn Q, Đinh Thị C đã trên 18 tuổi và tự lập nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Còn con Đinh Văn C - sinh ngày 05/4/2003, tôi đồng ý giao cho chị Đinh Thị Ơ nhận trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng. Còn về việc cấp dưỡng nuôi con chung Đinh Văn C chị Đinh Thị Ơ không yêu cầu nên tôi cũng đồng ý vì hiện tại tuổi tôi đã cao sức yếu chỉ đi làm thuê kiếm sống qua ngày nhưng cũng không có thu nhập ổn định.

Bản tự khai của cháu Đinh Văn C vào ngày 08/8/2018 trình bày: Về hôn nhân của ba mẹ cháu không can thiệp. Vì ba mẹ cháu không sống chung với nhau hơn 10 năm. Nếu ba mẹ cháu ly hôn nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ, để mẹ nuôi cháu ăn học.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc" Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", bị đơn có nơi cư trú tại huyện S, tỉnh Q, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Q theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân:* Chị Đinh Thị Ơ và anh Đinh Văn Tr tự tìm hiểu và quyết định chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991, không đăng ký kết hôn, vào ngày 02 tháng 8 năm 2018 chị Ơ có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Tr nên Toà án đã thụ lý theo quy định tại Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét việc chị Đinh Thị Ơ yêu cầu ly hôn anh Đinh Văn Tr, Hội đồng xét xử nhận định: chị Ơ và anh Tr sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1991 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn, đáng lẽ ra trong một thời gian dài sống chung anh chị phải thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng anh chị không thực hiện, do vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị không được pháp luật công nhận. Do đó, áp dụng quy định tại Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận chị Đinh Thị Ơ và anh Đinh Văn Tr là vợ chồng.

[3] *Về con chung:* Chị Đinh Thị Ơ và anh Đinh Văn Tr có với nhau 04 con chung là cháu Đinh Thị K, sinh ngày 18/3/1992, cháu Đinh Văn Q, sinh ngày 16/6/1996, Đinh Thị C - sinh ngày 05/5/1998 và cháu Đinh Văn C, sinh ngày 05/4/2003. Đối với 03 cháu Đinh Thị K, cháu Đinh Văn Q và cháu Đinh Thị C hiện các cháu đã trên 18 tuổi, có gia đình riêng, tự lập và không mất khả năng lao động nên anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Còn riêng cháu Đinh Văn C, sinh ngày 05/4/2003 chưa đủ 18 tuổi, hiện đang ở với chị Ơ, tại biên bản hòa giải ngày 18/9/2018 chị Đinh Thị Ơ và anh Đinh Văn Tr đã thỏa thuận giao cháu Đinh Văn C cho chị Ơ tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục, về việc cấp dưỡng nuôi con chị Ơ không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi cháu C vì hiện tại anh Tr tuổi đã cao sức yếu, không có thu nhập ổn định, Hội đồng xét xử nhận thấy sự thỏa thuận này của chị Ơ và anh Tr là phù hợp với nguyện vọng của cháu C và phù hợp với quy định tại Điều 14, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chị Ơ và anh Tr có yêu cầu Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận này trong bản án, vì vậy Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này trong bản án.

[4] *Về tài sản chung, riêng và nghĩa vụ tài sản:* Không có, các đương sự không yêu cầu giả quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* Chị Đinh Thị Ơ phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đinh Thị Ơ và anh Đinh Văn Tr.

Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Đinh Thị Ơ và anh Đinh Văn Tr về việc giao cho chị Đinh Thị Ơ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Đinh Văn C, sinh ngày 05/4/2003, chị Ơ không yêu cầu anh Đinh Văn Tr phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị Đinh Thị Ơ cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Đinh Văn Tr trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Nếu anh Tr lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Ơ có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Tr.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị Ơ phải chịu án phí ly hôn 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí do chị Ơ đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2010/0000095 ngày 03/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S. Chị Ơ đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện S;
- Phòng KTNV&THA Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Võ Ngọc Thông

Nơi nhận:
THẨM
- Các đương sự;

PHIÊN TOÀ
- VKSND huyện Sơn Hà;
- Phòng KTNV&THA Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Sơn Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ

Võ Ngọc Thông

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Nguyệt **Nguyễn Sinh** **Võ Ngọc Thông**